

Lại nữa Thiện Hiện! Tám mươi vẻ đẹp là:

1. Móng tay Như Lai hẹp, dài, mỏng, láng, sáng sạch, trong trắng như hoa hoặc như đồng.
2. Ngón chân ngón tay Như Lai tròn, thon dài, ngay thẳng, mềm mại, đốt xương không lộ.
3. Các ngón tay ngón chân của Như Lai đều bằng nhau không so le, giữa kẻ các ngón đều khít kín.
4. Tay chân Như Lai tròn đầy như ý, mềm sạch, sáng mịn, màu như hoa sen.
5. Gân mạch Như Lai buộc ràng chắc chắn, ẩn sâu chẳng hiện.
6. Hai mắt Như Lai đều ẩn chẳng lộ.
7. Bước đi Như Lai tiến tới thông thả như long tượng chúa.
8. Như Lai bước đi oai nghi tề chỉnh như sư tử chúa.
9. Như Lai bước đi vững vàng thông thả, không nhanh không chậm giống như trâu chúa.
10. Như Lai bước đi tiến dừng nhẹ nhàng giống như ngỗng chúa.
11. Mỗi khi ngó lui thì Như Lai đều xoay qua phía bên phải và toàn thân chuyển theo như long tượng chúa.
12. Các bộ phận của Như Lai thẳng tròn và sắp xếp khéo léo.
13. Các đốt xương Như Lai kết nhau không hở giống như rồng lượn.
14. Xương đầu gối của Như Lai được sắp xếp khéo léo, rắn chắc, tròn đẹp.
15. Chỗ kín của Như Lai có hoa văn xinh đẹp đầy đủ oai thế viên mãn thanh tịnh.
16. Thân Như Lai trơn láng mềm mại, sáng láng, sạch đẹp, đất bụi không dính.
17. Dung mạo của Như Lai rất nghiêm nghị, không sợ hãi, không hèn nhát.
18. Các bộ phận của thân Như Lai chắc chắn, đầy đặn, khéo kết dính vào nhau.
19. Thân phần của Như Lai tròn đầy, an ổn vững vàng, chưa từng lay động, không hư hoại.

20. Thân tướng của Như Lai giống như vua trời, trông rất đoan trang, sáng sạch, không bị ngăn che.

21. Thân Như Lai có ánh sáng tròn đầy bao xung quanh, khi đi thường tự chiếu sáng.

22. Bụng Như Lai vuông vức không lệch, mềm mại, không lộ, ẩn kín, các tướng trang nghiêm.

23. Rốn sâu có xoáy về bên phải, tròn đẹp, sạch sẽ, sáng láng.

24. Rốn Như Lai dày, chẳng lõm, chẳng lồi, xoáy tròn rất đẹp.

25. Da Như Lai không bị gẻ lở, nốt ruồi, thịt dư.

26. Lòng bàn tay Như Lai đầy đặn, mềm mại, lòng bàn chân bằng phẳng.

27. Chỉ tay Như Lai sâu, dài, rõ, thẳng, trơn láng không đứt đoạn.

28. Môi Như Lai có màu đỏ tươi sáng như trái Tần-bà, trên dưới tương xứng.

29. Khuôn mặt Như Lai đoan trang, kích thước trung bình, không dài không ngắn, không to không nhỏ.

30. Tướng lưỡi Như Lai mềm mỏng, dài rộng màu đỏ như đồng.

31. Như Lai phát tiếng, chấn động rất xa, rõ ràng trong trẻo như tiếng rống của voi chúa.

32. Giọng nói Như Lai nghe âm vang như tiếng vọng từ hang sâu.

33. Mũi Như Lai cao và ngay thẳng, lỗ mũi ẩn kín.

34. Các răng Như Lai vuông vức đều đặn trắng đẹp.

35. Răng cửa Như Lai tròn, trắng, sáng sạch, bén.

36. Mắt Như Lai trong xanh và sáng rõ.

37. Mắt Như Lai dài rộng giống như hoa sen xanh, trông rất đẹp.

38. Lông mi Như Lai trên dưới ngay thẳng và không bạc.

39. Cặp mày Như Lai dài mà không bạc, rậm mà mềm mại.

40. Cặp mày Như Lai đẹp để có thứ lớp màu xanh biếc như lưu ly.

41. Cặp mày Như Lai cao rõ, sáng láng, hình như mặt trăng đầu tháng.

42. Tai Như Lai dày, rộng lớn, trái tai dài và tròn trịa.

43. Hai tai Như Lai tốt đẹp, bằng phẳng lia các lằm lồi.

44. Dung nhan Như Lai làm cho người nhìn thấy không bị khó chịu, không đắm nhiễm, sanh kính yêu.

45. Trán Như Lai rộng, tròn đầy, bằng phẳng hình dạng xinh đẹp.

46. Thân phần Như Lai trên dưới tròn đầy như sư tử chúa, oai nghiêm không có đối thủ.

47. Tóc trên đầu Như Lai dài, xanh biếc, dày và không bạc.

48. Tóc trên đầu Như Lai thơm sạch mềm mại, óng mượt và xoay về phía bên phải.

49. Tóc Như Lai gọn gàng, không rối, cũng chẳng dính chùm.

50. Tóc Như Lai chắc chắn không gãy, không bao giờ rụng.

51. Tóc Như Lai trơn bóng đẹp đẽ, không dính bụi bặm.

52. Thân phần Như Lai vững chắc, đầy đặn hơn Na-la-diên.

53. Thân thể Như Lai cao lớn ngay thẳng.

54. Các khiêu (lỗ tai, mũi...) của Như Lai thanh tịnh tròn đẹp.

55. Thân Như Lai có thể lực thù thắng không ai sánh bằng.

56. Thân tướng Như Lai được mọi người thích xem, không hề biết chán.

57. Khuôn mặt Như Lai dài rộng vừa phải, sáng láng rạng rỡ như mặt trăng tròn mùa thu.

58. Dung nhan Như Lai thư thái, rạng rỡ, mỉm cười trước khi nói, chỉ hướng về phía trước không quay ra sau.

59. Diện mạo Như Lai sáng láng, vui vẻ, xa lìa các lỗi nhãn nhỏ, đôi sắc xanh đỏ.

60. Thân Như Lai thanh tịnh không bẩn, không hôi hám.

61. Các lỗ chân lông trên thân Như Lai đều tiết ra mùi hương vi diệu như ý.

62. Miệng Như Lai thường phát ra mùi hương thù thắng bậc nhất.

63. Tướng đầu Như Lai tròn trịa, xinh đẹp như quả Mạt-đạt-na hoặc như lộng trời.

64. Lông thân Như Lai sáng sạch xanh biếc như cổ chim công, đỏ hồng xinh đẹp giống như đồng đỏ.

65. Pháp âm Như Lai lớn nhỏ tùy chúng, không tăng không giảm, đúng lý không sai.

66. Tướng đánh Như Lai không ai thấy được.

67. Tay chân Như Lai kẻ ngón phân minh, trang nghiêm xinh đẹp như màu đồng đỏ.

68. Lúc Như Lai đi, chân cách đất bốn ngón tay nhưng hiện dấu ấn.

69. Như Lai tự đứng vững không cần ai đỡ, thân không nghiêng ngã, xiên vẹo.

70. Oai đức Như Lai chân động tất cả, người ghét thấy sanh mừng, người lo sợ thấy thì được an ổn.

71. Âm thanh Như Lai không cao không thấp, tùy theo ý thích của chúng sanh mà vui vẻ nói cho họ.

72. Tùy theo ý thích và ngôn ngữ của các loại hữu tình mà Như Lai thuyết pháp cho họ.

73. Như Lai dùng một loại ngôn ngữ để thuyết pháp mà các loại hữu tình đều hiểu được.

74. Như Lai thuyết pháp đều theo thứ lớp, chắc chắn có nhân duyên, lời lẽ đều khéo léo.

75. Như Lai quán sát các loại hữu tình, khen người thiện, chê người ác nhưng không thương ghét.

76. Khi phải làm gì, Như Lai quán trước làm sau, đầy đủ khuôn phép giúp họ biết việc thiện trong sạch.

77. Tướng hảo của Như Lai tất cả hữu tình không ai có thể quán sát hết.

78. Xương đánh của Như Lai rắn chắc tròn đầy.

79. Dung nhan Như Lai thường trẻ không già, phần tốt thay thế phần cũ.

80. Tay chân và trước ngực Như Lai đều có đức tướng kiết tường xoay về phía phải giống như bức họa thêu, sắc màu đỏ tươi.

Đó là tám mươi vẻ đẹp.

Thiện Hiện! Do Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thành tựu các tướng hảo như vậy nên ánh sáng trên thân có thể tùy ý chiếu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Khi nào Như Lai tác ý ánh sáng liền có thể chiếu khắp vô số thế giới nhưng vì thương xót các hữu tình nên Như Lai thu ánh sáng chỉ thường chiếu ra xung quanh mặt một tầm. Nếu phóng ánh sáng của thân ra thì ánh sáng của mặt trời và mặt trăng đều lặn mất, thì các loài hữu tình không thể biết thời gian ngày, đêm, nửa tháng, một tháng, nhiều năm và các việc làm của họ không được thành tựu.

Âm thanh Phật nếu để tự do thì có thể biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc lúc tác ý liền có thể biến khắp vô số thế giới nhưng vì muốn làm lợi ích cho hữu tình nên âm thanh ấy tùy theo số lượng chúng, không giảm không tăng.

Thiện Hiện! Công đức thù thắng như vậy, trước kia khi ở địa vị Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, Ta đã thành tựu trọn vẹn cho nên

nay có tướng hảo viên mãn trang nghiêm, tất cả hữu tình thấy đều hoan hỷ, đạt được an lạc lợi ích thù thắng.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát có thể dùng hai loại bố thí là tài và pháp để giúp đỡ các hữu tình. Đó là pháp kỳ lạ hy hữu.

Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát dùng ái ngữ giúp đỡ các hữu tình như thế nào? Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, trước tiên các Đại Bồ-tát dùng âm thanh êm dịu thuyết giảng cho hữu tình nghe về bố thí Ba-la-mật-đa, kế đó nói cho họ nghe về tịnh giới Ba-la-mật-đa, kế đó nói về an nhẫn Ba-la-mật-đa, kế đó nói về tinh tấn Ba-la-mật-đa, kế đó nói về tịnh lự Ba-la-mật-đa, cuối cùng nói về Bát-nhã ba-la-mật-đa để tìm cách giúp đỡ họ.

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng âm thanh êm dịu nói kỹ về sáu Ba-la-mật-đa để giúp đỡ các loại hữu tình. Vì sao? Vì do sáu Ba-la-mật-đa này có thể thu nhiếp tất cả pháp lành.

Thiện Hiện! Đại Bồ-tát dùng lợi hành để giúp đỡ các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, trong một thời gian dài các Đại Bồ-tát dùng đủ mọi phương tiện để khuyên các hữu tình tinh tấn tu học bố thí, tịnh giới, an nhẫn, tinh tấn, tịnh lự, Bát-nhã ba-la-mật-đa và các pháp lành thù thắng khác không biếng nhác phế bỏ.

Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát dùng đồng sự để cứu giúp các hữu tình như thế nào?

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng thần thông thù thắng và đại nguyện lực thị hiện sống ở địa ngục, bàng sanh, cõi quỷ, nhơn, thiên... cùng làm việc chung với họ, để tìm cách giúp đỡ họ đạt được lợi ích an lạc thù thắng.

Thiện Hiện! Các Đại Bồ-tát có thể dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự giúp đỡ các hữu tình. Đó là pháp hy hữu, kỳ lạ.

Lại nữa Thiện Hiện! Ta dùng Phật nhãn quán sát mười phương hằng hà sa số thế giới, thấy có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, dạy dỗ các Đại Bồ-tát khác: Đến đây thiện nam tử, ông nên khéo học làm phát sanh các văn tự Đà-la-ni, nghĩa là nên học một chữ, hai chữ cho đến mười chữ như vậy cho đến hai mươi, ba mươi, cho đến hoặc trăm, hoặc ngàn hoặc vạn, cho đến vô số làm phát sanh một cách tự tại, lại nên khéo học tất cả ngôn ngữ đều nhập vào một chữ, nhập hai chữ, cho đến mười chữ, như vậy cho đến hoặc nhập vào

hai mươi, hoặc nhập vào ba mươi cho đến hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc vạn cho đến vô số hoạt dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học ở trong một chữ bao gồm tất cả chữ, trong tất cả chữ bao gồm một chữ sử dụng một cách tự tại. Lại nên khéo học một chữ có thể bao gồm bốn mươi hai chữ cái, bốn mươi hai chữ cái có thể bao gồm một chữ.

Thiện Hiện! Đại Bồ-tát này nên khéo học bốn mươi hai chữ cái nhập vào một chữ, một chữ cũng nhập vào bốn mươi hai chữ. Sau khi đã học như vậy vị ấy phát sanh thiện xảo đối với các chữ. Sau khi đã làm phát sanh sự thiện xảo đối với chữ rồi, họ lại làm phát sanh thiện xảo đối với không chữ. Giống như các vị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác khéo léo đối với pháp, khéo léo đối với chữ. Do khéo léo đối với các pháp và các chữ nên vị ấy cũng khéo léo đối với không chữ. Nhờ khéo léo nên vị ấy có thể giảng cho hữu tình nghe về pháp có chữ và pháp không chữ, vì pháp không chữ mà nói về pháp có chữ. Vì sao? Vì lia chữ, không chữ thì không khác Phật pháp, vượt qua tất cả chữ thì gọi là chơn Phật pháp. Vì sao? Vì do tất cả pháp tất cả hữu tình đều hoàn toàn không, vô tế không.

Cụ thọ Thiện Hiện lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn không, vô tế không vượt qua các văn tự, thì tự tánh của tất cả pháp, tất cả hữu tình đều hoàn toàn bất khả đắc. Vậy các Đại Bồ-tát làm sao tu hành bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa? Làm sao tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc? Làm sao tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo? Làm sao tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện? Làm sao an trụ pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không? Làm sao an trụ chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì? Làm sao an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo? Làm sao tu hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ? Làm sao tu hành Cự hỷ địa cho đến Pháp vân địa? Làm sao tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa? Làm sao tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông? Làm sao tu hành mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng? Làm sao tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả? Làm sao tu hành trí nhất thiết, trí đạo tướng và trí nhất thiết tướng? Làm sao tu hành ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp? Làm sao an trụ vào quả báo của sáu pháp Ba-la-mật-đa và sáu thần thông để giảng giải chánh pháp cho các hữu tình nghe?

Bạch Thế Tôn! Tất cả hữu tình đều bất khả đắc. Các việc làm của hữu tình cũng bất khả đắc. Do tất cả hữu tình bất khả đắc nên sắc cho đến thức cũng bất khả đắc; nhãn xứ cho đến ý xứ cũng bất khả

đắc; sắc xứ cho đến pháp xứ cũng bất khả đắc; nhãn giới cho đến ý giới cũng bất khả đắc; sắc giới cho đến pháp giới cũng bất khả đắc; nhãn thức giới cho đến ý thức giới cũng bất khả đắc; nhãn xúc cho đến ý xúc cũng bất khả đắc; các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra cũng bất khả đắc; địa giới cho đến thức giới cũng bất khả đắc; nhân duyên cho đến tăng thượng duyên cũng bất khả đắc; các pháp do nhân duyên sanh ra cũng bất khả đắc; vô minh cho đến lão tử cũng bất khả đắc; bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc cũng bất khả đắc; bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo cũng bất khả đắc; pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện cũng bất khả đắc; pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không cũng bất khả đắc; chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì cũng bất khả đắc; Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo cũng bất khả đắc; tám giải thoát cho đến mười biến xứ cũng bất khả đắc; Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa cũng bất khả đắc; Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa cũng bất khả đắc; tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa cũng bất khả đắc; năm loại mắt, sáu phép thần thông cũng bất khả đắc; mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng cũng bất khả đắc; pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả cũng bất khả đắc; trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng cũng bất khả đắc; quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề cũng bất khả đắc; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật cũng bất khả đắc; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật cũng bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Ở trong pháp bất khả đắc, không có hữu tình và việc làm của họ, không có sắc cho đến thức và sự hoạt động của nó; không có nhãn xúc cho đến ý xúc và sự hoạt động của nó; không có sắc xứ cho đến pháp xứ và sự hoạt động của nó; không có nhãn giới cho đến ý giới và sự hoạt động của nó; không có sắc giới cho đến pháp giới và sự hoạt động của nó; không có nhãn thức giới cho đến ý thức giới và sự hoạt động của nó; không có nhãn xúc cho đến ý xúc và sự hoạt động của nó; không có các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra và sự hoạt động của nó; không có địa giới cho đến thức giới và sự hoạt động của nó; không có nhân duyên cho đến tăng thượng duyên và sự hoạt động của nó; không có các pháp do nhân duyên sanh ra và sự hoạt động của nó; không có vô minh cho đến lão tử và sự hoạt động của nó; không có bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa và sự hoạt động của

nó; không có bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc và sự hoạt động của nó; không có bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo và sự hoạt động của nó; không có pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyên và sự hoạt động của nó; không có pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không và sự hoạt động của nó; không có chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì và sự hoạt động của nó; không có Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo và sự hoạt động của nó; không có tám giải thoát cho đến mười biến xứ và sự hoạt động của nó; không có Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa và sự hoạt động của nó; không có Cự hỷ địa cho đến Pháp vân địa và sự hoạt động của nó; không có tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa và sự hoạt động của nó; không có năm loại mắt, sáu phép thần thông và sự hoạt động của nó; không có mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng và sự hoạt động của nó; không có pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả và sự hoạt động của nó; không có trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng và sự hoạt động của nó; không có quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề và sự hoạt động của nó; không có tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật và sự hoạt động của nó; không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật và sự hoạt động của nó.

Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp hữu tình và sự hoạt động của chúng đã bất khả đắc và hoàn toàn vô sở hữu, vậy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát nói những pháp gì cho các hữu tình?

Bạch Thế Tôn! Đừng cho rằng các Đại Bồ-tát tự an trụ vào pháp bất chánh để giảng cho các hữu tình nghe về pháp bất chánh, khuyên các hữu tình trụ vào pháp bất chánh, dùng pháp điên đảo để an lập hữu tình. Vì sao? Vì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát còn không chứng đắc Bồ-đề hướng là chứng đắc pháp Bồ-đề phân, còn không chứng đắc Đại Bồ-tát hướng là chứng đắc pháp Đại Bồ-tát.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói. Tất cả hữu tình đều bất khả đắc, sự hoạt động của các hữu tình cũng bất khả đắc, tất cả các pháp đều bất khả đắc, sự hoạt động của tất cả các pháp cũng bất khả đắc. Do bất khả đắc nên chúng hoàn toàn vô sở hữu, do vô sở hữu nên biết được pháp nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, Không Không, đại Không, thắng nghĩa Không, hữu vi Không, vô vi Không, tất cánh Không, vô tế Không, tán vô tán Không, bản tính Không, tự

cộng tướng Không, nhất thiết pháp Không, bất khả đắc Không, vô tính Không, tự tính Không, vô tính tự tính Không; nên biết chơn như Không, pháp giới Không, pháp tánh Không, tánh chẳng hư vọng Không, tánh chẳng đối khác Không, tánh bình đẳng Không, tánh ly sanh Không, định pháp Không, trụ pháp Không, thật tế Không, cảnh giới hư không Không, cảnh giới bất tư nghì Không; nên biết Thánh đế khổ Không, Thánh đế tập Không, Thánh đế diệt Không, Thánh đế đạo Không; nên biết sắc uẩn cho đến thức uẩn Không; nên biết nhãn xứ cho đến ý xứ Không; nên biết sắc xứ cho đến pháp xứ Không; nên biết nhãn giới cho đến ý giới Không; nên biết sắc giới cho đến pháp giới Không; nên biết nhãn thức giới cho đến ý thức giới Không; nên biết nhãn xúc cho đến ý xúc Không; nên biết các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra Không; nên biết địa giới cho đến thức giới Không; nên biết nhân duyên cho đến tăng thượng duyên Không; nên biết các pháp do nhân duyên sanh ra Không; nên biết vô minh cho đến lão tử Không; nên biết ngã hữu tình cho đến người biết, người thấy Không; nên biết bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa Không; nên biết bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc Không; nên biết bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo Không; nên biết pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện Không; nên biết tám giải thoát cho đến mười biến xứ Không; nên biết Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa Không; nên biết Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa Không; nên biết tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa Không; nên biết năm loại mắt, sáu phép thần thông Không; nên biết mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng Không; nên biết pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả Không; nên biết trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng Không; nên biết quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề Không; nên biết Chánh tánh ly sanh của Đại Bồ-tát Không; nên biết thành thực hữu tình, trang nghiêm cõi Phật Không; nên biết tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát Không; nên biết quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật Không; nên biết không ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp Không.

Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp đều hoàn toàn không, giảng nói cho các hữu tình nghe về các pháp giúp họ lìa điên đảo. Tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình, cũng hoàn toàn vô sở đắc đối với tất cả các pháp, chẳng tăng,

chẳng giảm, không thủ, không xả đối với các tướng không. Do nhân duyên này, tuy nói các pháp nhưng không có chỗ nói.

Thiện Hiện! Lúc quán sát tất cả pháp như vậy, Đại Bồ-tát này chứng đắc trí vô ngại. Nhờ trí này, vị ấy không hủy hoại các pháp, không có phân biệt thành hai, giảng giải như thật cho các hữu tình, giúp họ lia điên đảo, vọng tưởng, chấp trước, tùy theo căn cơ của họ mà đạt đến quả ba thừa, chứng đắc Niết-bàn thường an lạc rốt ráo. Như có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hóa làm một vị Phật. Vị Phật này lại có thể hóa làm vô lượng trăm ngàn, trăm ức, muôn ức chúng.

Khi ấy, vị hóa Phật kia dạy dỗ chúng đã được hóa ra, giúp họ tu hành bố thí Ba-la-mật-đa cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa; hoặc giúp tu hành bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc; hoặc giúp tu hành bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo; hoặc giúp tu hành pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện; hoặc giúp an trụ pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không; hoặc giúp an trụ chơn như cho đến cảnh giới bát tư nghi; hoặc giúp an trụ Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo; hoặc giúp tu hành tám giải thoát cho đến mười biến xứ; hoặc giúp tu hành Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa; hoặc giúp tu hành Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa; hoặc giúp tu hành tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa; hoặc giúp tu hành năm loại mắt, sáu phép thần thông; hoặc giúp tu hành mười lực Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng; hoặc giúp tu hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ; hoặc giúp tu hành pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả; hoặc giúp tu hành trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng; hoặc giúp an trụ quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề; hoặc giúp an trụ vào địa vị thù thắng của Bồ-tát; hoặc giúp an trụ quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật.

Thiện Hiện! Ý ông nghĩ sao? Lúc ấy hóa Phật và chúng đệ tử đã được hóa ra có chỗ phân biệt và có phá hoại đối với các pháp không?

Thiện Hiện đáp:

- Không thưa Thế Tôn! Vì tất cả pháp do biến hóa ra không phân biệt.

Phật bảo Thiện Hiện:

- Vì lý do này nên biết các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cũng như vậy, thuyết pháp thích hợp cho các hữu tình, tuy không phân biệt phá hoại pháp tướng nhưng có thể như thật an lập hữu tình, giúp họ an trụ vào địa vị thích hợp. Đối với hữu tình và tất cả pháp, tuy hoàn toàn vô sở đắc nhưng vị ấy giúp hữu tình giải thoát

vọng tướng điền đảo chấp trước, do lấy không trói, không mở làm phương tiện. Vì sao? Thiện Hiện! Vì bản tánh của sắc cho đến bản tánh của thức không trói không mở. Nếu pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc cho đến chẳng phải thức. Vì sao? Vì sắc cho đến thức hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của nhãn xứ cho đến bản tánh của ý xứ không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn xứ cho đến chẳng phải ý xứ. Vì sao? Vì nhãn xứ cho đến ý xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của sắc xứ cho đến bản tánh của pháp xứ không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc xứ cho đến chẳng phải pháp xứ. Vì sao? Vì sắc xứ cho đến pháp xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của nhãn giới cho đến bản tánh của ý giới không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn giới cho đến chẳng phải ý giới. Vì sao? Vì nhãn giới cho đến ý giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của sắc giới cho đến bản tánh của pháp giới không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải sắc giới cho đến chẳng phải pháp giới. Vì sao? Vì sắc giới cho đến pháp giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của nhãn thức giới cho đến bản tánh của ý thức giới không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn thức giới cho đến chẳng phải ý thức giới. Vì sao? Vì nhãn thức giới cho đến ý thức giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của nhãn xúc cho đến bản tánh của ý xúc không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhãn xúc cho đến chẳng phải ý xúc. Vì sao? Vì nhãn xúc cho đến ý xúc hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến bản tánh của các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến chẳng phải là các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra. Vì sao? Vì các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của địa giới cho đến thức giới không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy

chẳng phải địa giới cho đến chẳng phải thức giới. Vì sao? Vì địa giới cho đến thức giới hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của nhân duyên cho đến bản tánh của tăng thượng duyên không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải nhân duyên cho đến chẳng phải tăng thượng duyên. Vì sao? Vì nhân duyên cho đến tăng thượng duyên hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của các pháp do nhân duyên sanh ra không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải các pháp do nhân duyên sanh ra. Vì sao? Vì các pháp do nhân duyên sanh ra hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của vô minh cho đến bản tánh của lão tử không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải vô minh cho đến chẳng phải lão tử. Vì sao? Vì vô minh cho đến lão tử hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của bồ thí Ba-la-mật-đà cho đến bản tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đà không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải bồ thí Ba-la-mật-đà cho đến chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật-đà. Vì sao? Vì bồ thí Ba-la-mật-đà cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đà hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc. Vì sao? Vì bốn tịnh lự, bốn vô lượng, bốn định vô sắc hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của bốn niệm trụ cho đến bản tánh của tám chi thánh đạo không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải bốn niệm trụ cho đến chẳng phải tám chi thánh đạo. Vì sao? Vì bốn niệm trụ cho đến tám chi thánh đạo hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp môn giải thoát không và bản tánh của pháp môn giải thoát vô tướng, vô nguyện không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện. Vì sao? Vì pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp nội Không cho đến bản tánh của vô tính tự tính Không không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp nội Không cho

đến chẳng phải vô tính tự tính Không. Vì sao? Vì pháp nội Không cho đến vô tính tự tính Không hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của chơn như cho đến bản tánh của cảnh giới bất tư nghì không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là chơn như cho đến chẳng phải là cảnh giới bất tư nghì. Vì sao? Vì chơn như cho đến cảnh giới bất tư nghì hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo. Vì sao? Vì Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của tám giải thoát cho đến bản tánh của mười biến xứ không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là tám giải thoát cho đến chẳng phải là mười biến xứ. Vì sao? Vì tám giải thoát cho đến mười biến xứ hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của Tịnh quán địa cho đến bản tánh của Như Lai địa không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là Tịnh quán địa cho đến chẳng phải Như Lai địa. Vì sao? Vì Tịnh quán địa cho đến Như Lai địa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của Cực hỷ địa cho đến bản tánh của Pháp vân địa không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là Cực hỷ địa cho đến chẳng phải Pháp vân địa. Vì sao? Vì Cực hỷ địa cho đến Pháp vân địa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp môn Đà-la-ni và bản tánh của pháp môn Tam-ma-địa không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa. Vì sao? Vì pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của năm loại mắt, sáu phép thần thông không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là năm loại mắt, sáu phép thần thông. Vì sao? Vì năm loại mắt, sáu phép thần thông hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của mười lực Như Lai cho đến bản tánh của mười tám pháp Phật bất cộng không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là mười lực Như Lai cho đến chẳng phải mười tám pháp Phật bất cộng. Vì sao? Vì

mười lục Như Lai cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại sĩ và bản tánh của tám mươi vẻ đẹp không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ. Vì sao? Vì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp không quên mất và bản tánh của tánh luôn luôn xả không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả. Vì sao? Vì pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng. Vì sao? Vì trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của quả Dự lưu cho đến bản tánh của Độc giác Bồ-đề không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là quả Dự lưu cho đến chẳng phải Độc giác Bồ-đề. Vì sao? Vì quả Dự lưu cho đến Độc giác Bồ-đề hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và bản tánh của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật. Vì sao? Vì tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp thiện và pháp ác không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải là pháp thiện và pháp ác. Vì sao? Vì pháp thiện và pháp ác hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh pháp hữu ký và bản tánh pháp vô ký không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu ký và pháp vô ký. Vì sao? Vì pháp hữu ký và pháp vô ký hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh pháp hữu lậu và pháp vô lậu không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy

chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Vì sao? Vì pháp hữu lậu và pháp vô lậu hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh pháp thế gian và bản tánh pháp xuất thế gian không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian và pháp xuất thế gian hoàn toàn vắng lặng.

Thiện Hiện! Bản tánh của pháp hữu vi và pháp vô vi không trói không mở. Pháp nào có bản tánh không trói không mở thì pháp ấy chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi. Vì sao? Vì pháp hữu vi và pháp vô vi hoàn toàn vắng lặng.

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tuy các Đại Bồ-tát giảng nói các pháp cho các hữu tình nhưng hoàn toàn vô sở đắc đối với hữu tình và các pháp tánh. Vì sao? Vì các hữu tình và tất cả pháp đều bất khả đắc.

Lại nữa Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả pháp vô sở đắc, nghĩa là dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào sắc Không cho đến thức Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhãn xứ Không cho đến ý xứ Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào sắc xứ Không cho đến pháp xứ Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhãn giới Không cho đến ý giới Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào sắc giới Không cho đến pháp giới Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhãn thức giới Không cho đến ý thức giới Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhãn xúc Không cho đến ý xúc Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào các cảm thọ do nhãn xúc làm duyên sanh ra Không, cho đến các cảm thọ do ý xúc làm duyên sanh ra Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào địa giới Không cho đến thức giới Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào nhân duyên Không cho đến tăng thượng duyên Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào các pháp do nhân duyên sanh ra là Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào vô minh Không cho đến lão tử Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào bố thí Ba-la-mật-đa Không cho đến Bát-nhã ba-la-mật-đa Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào bốn tịnh lực, bốn vô lượng, bốn định vô sắc Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào bốn niệm trụ Không cho đến tám chi thánh đạo Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp nội Không

Không cho đến vô tính tự tính Không Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào chơn như Không cho đến cảnh giới bất tư nghì Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào Thánh đế khổ, tập, diệt, đạo Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tám giải thoát Không cho đến mười bốn xứ Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào Tịnh quán địa Không cho đến Như Lai địa Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào Cực hỷ địa Không cho đến Pháp vân địa Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-địa Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào năm loại mắt, sáu phép thần thông Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào mười lực Như Lai Không cho đến mười tám pháp Phật bất cộng Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của bậc Đại sĩ Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp không quên mất, tánh luôn luôn xả Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào trí nhất thiết, trí đạo tướng, trí nhất thiết tướng Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào quả Dự lưu Không cho đến Độc giác Bồ-đề Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của chư Phật Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp thiện, pháp ác Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp hữu ký, pháp vô ký Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp hữu lậu, pháp vô lậu Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp thế gian, pháp xuất thế gian Không; dùng vô sở đắc làm phương tiện để trụ vào pháp hữu vi, pháp vô vi Không.

Thiện Hiện nên biết! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có chỗ trụ; sắc Không cho đến thức Không cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì sắc cho đến thức không có tự tánh và bất khả đắc; sắc Không cho đến thức Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Như vậy cho đến tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật không có chỗ trụ; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật Không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật không có tự tánh và bất khả đắc; tất cả các hạnh của Đại Bồ-tát và quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Phật Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thiện pháp ác không có chỗ trụ;

pháp thiện pháp ác Không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp thiện pháp ác không có tự tánh và bất khả đắc; pháp thiện pháp ác Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu ký pháp vô ký không có chỗ trụ; pháp hữu ký pháp vô ký Không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp hữu ký pháp vô ký không có tự tánh và bất khả đắc; pháp hữu ký pháp vô ký Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu lậu pháp vô lậu không có chỗ trụ; pháp hữu lậu pháp vô lậu Không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp hữu lậu pháp vô lậu không có tự tánh và bất khả đắc; pháp hữu lậu pháp vô lậu Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian không có chỗ trụ; pháp thế gian và pháp xuất thế gian Không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp thế gian và pháp xuất thế gian không có tự tánh và bất khả đắc; pháp thế gian và pháp xuất thế gian Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ. Pháp hữu vi và pháp vô vi không có chỗ trụ; pháp hữu vi và pháp vô vi Không, cũng không có chỗ trụ. Vì sao? Vì pháp hữu vi và pháp vô vi không có tự tánh và bất khả đắc; pháp hữu vi và pháp vô vi Không, cũng không có tự tánh và bất khả đắc; pháp không có tự tánh và bất khả đắc thì chẳng có chỗ trụ.

Thiện Hiện nên biết! Chẳng phải pháp vô tánh trụ vào pháp vô tánh, chẳng phải pháp hữu tánh trụ vào pháp hữu tánh, chẳng phải pháp vô tánh trụ vào pháp hữu tánh, chẳng phải pháp hữu tánh trụ vào pháp vô tánh. Chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tự tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tự tánh trụ vào pháp tha tánh, chẳng phải pháp tha tánh trụ vào pháp tự tánh. Vì sao? Vì tất cả pháp này đều bất khả đắc. Pháp bất khả đắc thì trụ nơi nào?

Thế nên, Thiện Hiện! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, các Đại Bồ-tát dùng các pháp Không này để tu tập điều khiển các pháp, cũng có thể như thật giảng dạy hữu tình. Đại Bồ-tát nào có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy thì không có lầm lỗi với chư Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn và tất cả Thánh hiền. Vì sao? Vì tất cả chư Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn và tất cả Thánh hiền đều có thể giác ngộ tùy theo pháp tánh này. Sau khi đã giác ngộ, các Ngài giảng giải cho các hữu tình nghe một cách đúng đắn. Tuy giảng nói các pháp cho các hữu tình nghe nhưng các Ngài không lay

chuyển, không vượt qua đối với pháp tánh. Vì sao? Vì thật tánh các pháp tức là chơn pháp giới, chơn như, thật tế. Pháp giới, chơn như, thật tế như vậy đều không thể lay chuyển và không thể vượt qua. Vì sao? Vì pháp giới, chơn như, thật tế này đều không tự tánh và hoàn toàn bất khả đắc. Pháp bất khả đắc thì chẳng thể lay chuyển vượt qua.

Quyển thứ 470

HẾT